

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

I. Trắc nghiệm (5 điểm). Chọn đáp án chính xác nhất.

Câu 1: Đơn vị chức năng của thận **không** bao gồm thành phần nào sau đây?

- A. Ống thận. B. Ống góp. C. Cầu thận. D. Nang cầu thận.

Câu 2: Nếu trong nước tiểu chính thức có xuất hiện glucozo thì người đó đã bị mắc bệnh gì?

- A. Tiểu đường. B. Thừa insulin. C. Sỏi thận. D. Sỏi bóng đái.

Câu 3: Hiện tượng mụn trứng cá ở tuổi dậy thì chủ yếu là do sự tăng cường hoạt động của bộ phận nào?

- A. Lông và bao lông. B. Tuyến nhờn. C. Tầng tế bào sống. D. Tuyến mồ hôi.

Câu 4: Khi bị bỏng nhẹ, chúng ta cần phải thực hiện ngay thao tác nào sau đây?

- A. Băng bó vết bỏng bằng bông và gạc sạch.
B. Bôi kem liền sẹo lên phần da bị bỏng.
C. Ngâm phần da bị bỏng vào nước lạnh và sạch.
D. Rửa vết thương trên vòi nước với xà phòng diệt khuẩn.

Câu 5: Rễ sau bên phải của ếch bị cắt. Sau đó, ta kích thích bằng HCl 3% vào chi sau bên phải. Kết quả thu được là:

- A. chi sau bên phải co. B. chi sau bên trái không co.
C. cả 4 chi đều co. D. không có chi nào co.

Câu 6: Ở người, bộ phận nào nằm giữa trụ não và đại não?

- A. Tủy sống. B. Hạch thần kinh. C. Não trung gian. D. Tiểu não.

Câu 7: Dẫn luồng xung thần kinh từ các cơ quan về trung ương thần kinh là do:

- A. dây thần kinh li tâm. B. dây thần kinh hướng tâm.
C. dây thần kinh pha. D. dây thần kinh hướng tâm và li tâm.

Câu 8: Nhu cầu dinh dưỡng của con người phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

1. Giới tính
2. Độ tuổi
3. Hình thức lao động
4. Trạng thái sinh lí của cơ thể

- A. 1, 2, 3, 4. B. 2, 3, 4. C. 1, 2, 4. D. 1, 2, 3.

Câu 9: Cảm giác nóng, lạnh ta có được trên da là do hoạt động chức năng của thành phần nào mang lại?

- A. Tuyến mồ hôi. B. Thụ quan C. Mạch máu. D. Cơ co chân lông.

Câu 10: Đâu không phải là thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu?

- A. Uống đủ nước. B. Khi muốn đi tiểu thì nên đi ngay.
C. Ăn mặn. D. Không ăn quá nhiều prôtêin.

Câu 11: Một người bị tê liệt phần bên trái cơ thể do hậu quả của tai nạn giao thông làm tổn thương đại não. Phần nào của đại não đã bị tổn thương?

- A. Phần đại não bên phải. B. Phần đại não bên trái.
C. Cả 2 phần đại não bên trái và bên phải. D. Không phần nào bị tổn thương.

Câu 12: Nhóm thực phẩm nào giàu chất glucit:

A. ngô, cá, rau cải.

C. mỡ lợn, lạc, đậu tương.

B. trứng, thịt nạc, sắn.

D. gạo, ngô, khoai, sắn.

Câu 13: Thời gian tắm nắng phù hợp nhất để da có thể hấp thụ vitamin D là:

A. từ 7- 8 giờ ánh nắng vừa phải.

C. tắm giữa trưa nắng gắt

B. tắm lúc cơ thể mệt mỏi.

D. lúc trời mát không có ánh nắng.

Câu 14: Điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giữ thăng bằng cơ thể là chức năng của:

A. trụ não.

B. đại não.

C. não trung gian.

D. tiểu não.

Câu 15: Chất nào được giữ lại trong máu sau quá trình lọc máu ở cầu thận:

A. nước.

B. creatin.

C. chất thuốc.

D. protein.

Câu 16: Khi tác động lên một cơ quan, phân hệ giao cảm và phân hệ đối giao cảm có tác dụng:

A. tương tự nhau.

C. đối lập nhau.

B. giống hệt nhau.

D. đồng thời với nhau.

Câu 17: Điều khiển hoạt động của cơ vân là do:

A. sợi trục.

C. thân nơron.

B. hệ thần kinh sinh dưỡng.

D. hệ thần kinh vận động.

Câu 18: Các tế bào của da thường xuyên bị bong ra ngoài là thuộc:

A. tầng tế bào sống.

B. lớp sợi mô liên kết.

C. tầng sừng.

D. lớp sắc tố.

Câu 19: Đối tượng nào dưới đây thường có nhu cầu dinh dưỡng cao hơn các đối tượng còn lại?

A. Nhân viên văn phòng.

C. Phiên dịch viên.

B. Vận động viên đấm bốc.

D. Giáo viên.

Câu 20: Số lượng dây thần kinh tuỷ sống là:

A. 31 đôi.

B. 18 đôi.

C. 12 đôi.

D. 25 đôi.

II. Tự luận (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm): Trình bày đặc điểm cấu tạo của da và chức năng có liên quan đến cấu tạo.

Câu 2 (2 điểm):

a. So sánh sự khác nhau giữa nước tiểu đầu và máu?

b. Giải thích vì sao nên đi tiểu ngay khi muốn đi mà không nên nhịn lâu?

Câu 3 (1 điểm):

Tính số liệu để điền vào các ô có đánh dấu ? trong bảng sau:

Tên thực phẩm	Khối lượng (g)			Protein (g)
	A	A1	A2	
Gạo tẻ	200	0	?	?
Cá chép	100	40	?	?

Biết trong 100g gạo tẻ có 7,9g protein; 100g cá chép có 16g protein.

(A: lượng thực phẩm cung cấp; A1: lượng thực phẩm thải bỏ; A2: lượng thực phẩm ăn được)

----- HẾT -----